

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành  
công trình: Trụ sở Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Nam Giang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng và số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;*

*Căn cứ Quyết định số 3279/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Trụ sở Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Nam Giang;*

*Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 06/TTr-STC ngày 06/01/2022 (kèm Báo cáo kết quả thẩm tra số 15/BC-STC ngày 06/01/2022).*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành**

1. Công trình: Trụ sở Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Nam Giang.
2. Địa điểm: huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam.
3. Chủ đầu tư: UBND huyện Nam Giang.
4. Thời gian khởi công: 11/11/2019; hoàn thành: 04/8/2021.

**Điều 2. Kết quả đầu tư**

1. Nguồn vốn đầu tư:
  - a) Tổng mức đầu tư được duyệt: 19.930.987.000 đồng.

b) Nguồn vốn đầu tư: ngân sách tỉnh 70% tổng mức đầu tư; ngân sách huyện 30% tổng mức đầu tư.

c) Vốn đầu tư đã bố trí thực hiện (vốn ngân sách tỉnh) đến ngày 23/9/2021: 13.466.458.000 đồng, gồm:

- Vốn đầu tư đã bố trí giải ngân đến hết năm 2020: 13.466.458.000 đồng;
- Kế hoạch vốn năm 2021 đến nay: không bố trí.

2. Chi phí đầu tư:

	Tổng dự toán công trình được duyệt (đồng)	Chi phí đầu tư được quyết toán (đồng)
Tổng số	19.930.987.000	17.596.304.000

3. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Nội dung	Tài sản hình thành qua đầu tư Chủ đầu tư bàn giao đơn vị khác quản lý sử dụng (đồng)
<b>Tổng cộng</b>	<b>17.596.304.000</b>
1. Tài sản dài hạn (cố định)	17.596.304.000
2. Tài sản ngắn hạn	0

**Điều 3.** Trách nhiệm của Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Chủ đầu tư (UBND huyện Nam Giang):

a) Được phép tất toán nguồn vốn, chi phí đầu tư công trình Trụ sở Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Nam Giang, với số tiền: 17.596.304.000 đồng và thanh toán các khoản công nợ theo giá trị quyết toán được phê duyệt. Các khoản công nợ (đến ngày khóa sổ lập báo cáo quyết toán):

- Tổng nợ phải thu: 9.424.000 đồng.
- Tổng nợ phải trả: 4.139.270.000 đồng.

*(Chi tiết các khoản công nợ theo Phụ lục I đính kèm)*

b) Bàn giao tài sản hình thành sau đầu tư cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Nam Giang quản lý tài sản theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

c) Thu hồi nộp ngân sách tỉnh trước ngày 31/01/2022, số tiền: 9.424.000 đồng; đồng thời bố trí vốn cho dự án theo cơ cấu nguồn vốn được duyệt (30% chi phí đầu tư), số tiền: 5.278.891.000 đồng để trả nợ cho dự án số tiền còn thiếu: 4.139.270.000 đồng và hoàn trả ngân sách tỉnh: 1.139.621.000 đồng.

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Nam Giang chịu trách nhiệm tiếp nhận các hồ sơ, tài sản hình thành sau đầu tư và ghi tăng giá trị tài sản cố định, với số tiền: 17.596.304.000 đồng; thực hiện báo cáo kê khai biến động tài sản và quản lý, sử dụng tài sản đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

*(Chi tiết Danh mục tài sản theo Phụ lục II đính kèm)*

3. UBND huyện Nam Giang, Sở Xây dựng rút kinh nghiệm trong công tác lập, thẩm định dự toán đối với công trình xây dựng do lập, thẩm định dự toán có chi phí vệ sinh môi trường là thừa so với quy định.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Y tế; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Nam Giang và thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PVP và phòng chuyên viên;
- Lưu: VT, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Hồng Quang**



**Phụ lục I**  
**TÌNH HÌNH THANH TOÁN VÀ CÔNG NỢ**

**công trình: Trụ sở Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Nam Giang**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /01/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam)

Đơn vị tính: đồng.

TT	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung	Chi phí đầu tư được quyết toán	Đã thanh toán tạm ứng	Công nợ còn đến ngày khoá sổ lập báo cáo quyết toán	
					Nợ phải trả	Nợ phải thu
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]=[4-5]	[7]=[5-4]
*	<b>Tổng cộng</b>	<b>Tổng số</b>	<b>17.596.304.000</b>	<b>13.466.458.000</b>	<b>4.139.270.000</b>	<b>9.424.000</b>
1	Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Phú Toàn	Xây dựng, thiết bị và hạng mục chung	15.658.837.000	12.100.000.000	3.558.837.000	0
1	Ban Quản lý dự án quỹ đất – đô thị huyện Nam Giang	Quản lý dự án	458.645.000	300.000.000	158.645.000	0
2	Liên danh Công ty TNHH Thiết kế kiến trúc Cát Mộc và Công ty CP Phát triển đô thị ANGCORA	Khảo sát, lập dự án đầu tư	216.074.000	216.074.000	0	0
		Thiết kế BVTC-DT	444.248.000	444.248.000	0	0
3	Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Quảng Nam	Thẩm tra thiết kế BVTC-DT	66.167.000	75.591.000	0	9.424.000
4	Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng và Thương mại Thành Tín	Lựa chọn nhà thầu xây lắp	63.197.000	63.197.000	0	0
5	Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Tỉnh Đà	Giám sát thi công	491.926.000	245.000.000	246.926.000	0
6	Sở Xây dựng tỉnh Quảng Nam	Lệ phí thẩm định dự án	3.588.000	0	3.588.000	0
7	Ban Quản lý dự án quỹ đất – đô thị huyện Nam Giang	Thẩm định kết quả LCNT xây lắp	16.750.000	0	16.750.000	0
8	Phòng CSPCCC và CNCH Công an tỉnh Quảng Nam	Thẩm duyệt PCCC	1.876.000	1.876.000	0	0

[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]=[4-5]	[7]=[5-4]
9	Công ty Bảo hiểm PVI Quảng Nam	Bảo hiểm công trình	20.472.000	20.472.000	0	0
10	Công ty TNHH Kiểm toán Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM	Kiểm toán báo cáo quyết toán	121.022.000	0	121.022.000	0
11	Sở Tài chính tỉnh Quảng Nam	Phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	33.502.000	0	33.502.000	0

**Phụ lục II**  
**TÀI SẢN DÀI HẠN HÌNH THÀNH QUA ĐẦU TƯ**  
**công trình: Trụ sở Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Nam Giang**  
*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /01/2022*  
*của UBND tỉnh Quảng Nam)*

TT	Tên và ký hiệu TSCĐ, Quy mô, công suất, chủng loại, xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Giá đơn vị (đồng)	Tổng nguyên giá (đồng)
	<b>Tài sản dài hạn (cố định)</b>				<b>17.596.304.000</b>
1	Nhà làm việc (Công trình dân dụng cấp II, 3 tầng, diện tích xây dựng 576,62m <sup>2</sup> , diện tích sàn 1.404m <sup>2</sup> . Kết cấu khung BTCT đá 1x2 M250, tường xây gạch không nung, trát và sơn hoàn thiện)	Hạng mục	1	12.336.910.000	12.336.910.000
2	Nhà công vụ (Nhà 2 tầng, diện tích xây dựng 236,98m <sup>2</sup> , diện tích sàn 508,98m <sup>2</sup> . Kết cấu khung BTCT đá 1x2 M250, tường xây gạch không nung, trát và sơn hoàn thiện)	Hạng mục	1	3.131.880.000	3.131.880.000
3	Nhà bảo vệ (Nhà 1 tầng, diện tích xây dựng 16m <sup>2</sup> , diện tích sàn 508,98m <sup>2</sup> . Kết cấu khung BTCT đá 1x2 M250, tường xây gạch không nung, trát và sơn hoàn thiện)	Hạng mục	1	101.996.000	101.996.000
4	Nhà xe (Gồm 2 khối nhà 1 tầng, diện tích xây dựng mỗi nhà 40m <sup>2</sup> , móng BTCT đá 1x2 M250, cột kèo thép ống, mái lợp tôn, nền bằng bê tông)	Hạng mục	1	149.566.000	149.566.000
5	Nhà đặt máy bơm (Nhà 01 tầng, diện tích xây dựng 4m <sup>2</sup> . Kết cấu móng, khung BTCT đá 1x2 M250, tường xây gạch không nung, trát và sơn hoàn thiện)	Hạng mục	1	280.011.000	280.011.000
6	Bể nước ngầm (Kết cấu BTCT đá 1x2 M250, thể tích bể 60m <sup>3</sup> )	Hạng mục	1	419.707.000	419.707.000
7	Tường rào (Chiều dài 227m. Trụ BTCT đá 1x2 mác 250. Tường xây gạch không nung)	Hạng mục	1	495.905.000	495.905.000
8	Mương nước (Chiều dài 220,7m. Bề mặt bê tông M150, đá 2x4)	Hạng mục	1	236.145.000	236.145.000
9	Sân nền (Nền bê tông đá 1x2 mác 200 dày 20cm, diện tích nền sân 1.514m <sup>2</sup> )	Hạng mục	1	444.184.000	444.184.000